

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2026 của UBND xã Tây Hồ)

Đơn vị : 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	327.860.000	TỔNG SỐ CHI	327.860.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	6.070.000	I. Chi đầu tư phát triển	32.795.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	11.475.000	II Chi Thường xuyên	289.998.000
III. Thu bổ sung	310.315.000	Trong đó chi từ nguồn BSM	74.520.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	235.795.000	III. Dự phòng	5.067.000
- Bổ sung có mục tiêu	74.520.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2026 của UBND xã Tây Hồ)

Đơn vị tính 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
	TỔNG THU	335.915.000	327.860.000
I	Các khoản thu 100%	11.360.000	6.070.000
1	Phí, lệ phí	300.000	210.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	290.000	290.000
3	Thu khác ngân sách	3.400.000	400.000
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40.000	40.000
5	Lệ phí trước bạ	5.130.000	5.130.000
6	Thuế Tài Nguyên	900.000	-
7	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	1.300.000	-
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	14.240.000	11.475.000
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.030.000	854.900
	Thuế thu nhập cá nhân	720.000	597.600
	Thuế giá trị gia tăng	6.530.000	5.419.900
	Thuế tiêu thu đặc biệt	80.000	66.300
	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	220.000	8.300
	Tiền sử dụng đất	5.660.000	4.528.000
III	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cao hơn trên	310.315.000	310.315.000
	- Bổ sung cân đối ngân sách	235.795.000	235.795.000
	- Bổ sung có mục tiêu	74.520.000	74.520.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2026 của UBND xã Tây Hồ)

Đơn vị tính 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	327.860.000	32.795.000	295.065.000
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	61.773.125	4.657.125	57.116.000
2	Chi khoa học và công nghệ (3)	2.000.000	-	2.000.000
3	Chi quốc phòng	3.429.000	-	3.429.000
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	3.050.570	360.570	2.690.000
5	Chi y tế, dân số và gia đình	10.274.000	-	10.274.000
6	Chi văn hóa thông tin	1.159.000	-	1.159.000
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	873.000	-	873.000
8	Chi thể dục thể thao	1.933.000	1.311.000	622.000
9	Chi bảo vệ môi trường	6.190.625	1.835.625	4.355.000
10	Chi các hoạt động kinh tế	41.549.719	21.350.719	20.199.000
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	32.664.000	-	32.664.000
12	Chi bảo đảm xã hội	76.913.000	-	76.913.000
13	Chi thường xuyên khác	6.463.961	3.279.961	3.184.000
14	Dự phòng ngân sách	5.067.000		5.067.000
15	Chi từ nguồn BSMT và cải cách tiền lương	74.520.000		74.520.000

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2026 của UBND xã Tây Hồ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Công trình	Mã số dự án	Quyết định phê duyệt (điều chỉnh)						Lũy kế vốn bố trí đến 31/12/2025					Kế hoạch vốn năm 2026				Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				3	Chi theo nguồn vốn				Tổng cộng	Chi theo nguồn vốn	Trong đó			
				Tổng số	Chi theo nguồn vốn				NS TW	Ngân sách thành phố	NS huyện	NS xã và huy động khác		Ngân sách xã	NSTT	Thu tiền sử dụng đất 2026		
					NS TW	Ngân sách thành phố	NS huyện											
	TỔNG CỘNG			53.286	-	953	-	52.333	3.262	-	953	-	2.309	32.795	32.795	28.267	4.528	
A	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề			9.000	-	-	-	9.000	-	-	-	-	-	4.657	4.657	4.287	371	
1	Xây mới phòng học và dãy hành chính 12P và các hạng mục phụ trợ trường TH Phan Đình Phùng, thôn Cẩm Khê.			9.000				9.000	-					4.657	4.657	4.287	371	
B	Lĩnh vực an ninh và trật tự an toàn xã hội			550	-	-	-	550	-	-	-	-	-	361	361	311	50	
1	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Công an xã Tây Hồ, thôn Tú Hội			550				550	-				-	361	361	311	50	
D	Lĩnh vực thể dục thể thao			2.000	-	-	-	2.000	-	-	-	-	-	1.311	1.311	1.130	181	
1	Nâng cấp, cải tạo Nhà văn hóa, khu thể thao trung tâm xã Tây Hồ và các hạng mục phụ trợ hoạt động thể thao			2.000				2.000	-					1.311	1.311	1.130	181	
E	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
F	Lĩnh vực đầu tư khác			3.280	-	-	-	3.280	-	-	-	-	-	3.280	3.280	2.827	453	
1	DỰ NGUỒN PHÂN BỐ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM PHÁT SINH TRONG NĂM, DỰ NGUỒN ĐỐI ỨNG CTMTQG NTM, CÁC NGHỊ QUYẾT HĐND THÀNH PHỐ (10%).			3.280				3.280						3.280	3.280	2.827	453	
G	Lĩnh vực bảo đảm xã hội			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
H	Lĩnh vực bảo vệ môi trường			2.800	-	-	-	2.800	-	-	-	-	-	1.836	1.836	1.582	253	
1	Đường vào và nghĩa trang nhân dân Đồi Cựu chiến binh, thôn Cẩm Long, xã Tây Hồ (Giai đoạn 1)			2.800				2.800						1.836	1.836	1.582	253	
I	Chi y tế, dân số và gia đình			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
														-				
K	Lĩnh vực kinh tế			35.657	-	953	-	34.704	3.262	-	953	-	2.309	21.351	21.351	18.131	3.220	
K.1	Giao thông			24.880	-	613	-	24.267	1.060	-	613	-	447	15.635	15.635	13.429	2.206	
1	Bê tông hóa GTNT năm 2017 (trong KDCNTM kiểu mẫu)	7656701	5196-23/10/17	493		271		222	469		271		198	24	24	-	24	
	Bê tông hóa GTNT năm 2018	7704337	2631-24/7/18	621		342		280	590		342		248	31	31	-	31	

TT	Công trình	Mã số dự án	Quyết định phê duyệt (điều chỉnh)						Lũy kế vốn bố trí đến 31/12/2025					Kế hoạch vốn năm 2026				Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				3	Chi theo nguồn vốn				Tổng cộng	Chi theo nguồn vốn	Trong đó			
				Tổng số	Chi theo nguồn vốn				NS TW	Ngân sách thành phố	NS huyện	NS xã và huy động khác		Ngân sách xã	NSTT	Thu tiền sử dụng đất 2026		
					NS TW	Ngân sách thành phố	NS huyện										NS xã và huy động khác	
	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến giao thông ngõ xóm và cầu cống trên tuyến trên địa bàn các thôn Cẩm Khê, Phú Mỹ, Tân Phú, Xuân Diên, Thành Mỹ			1.000					1.000					656	656	565	91	
	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến giao thông ngõ xóm và cầu cống trên tuyến trên địa bàn các thôn Đại Quý, Tây Lộc, Đại Đồng, Cẩm Long, Tam An			1.000					1.000					656	656	565	91	
	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến giao thông ngõ xóm và cầu cống trên tuyến trên địa bàn các thôn Khánh Mỹ, Trường Lộc, Lộc Ninh, Phú Văn, Tú Hội			1.000					1.000					656	656	565	91	
	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến giao thông ngõ xóm và cầu cống trên tuyến trên địa bàn các thôn An Thọ, An Thiện, An Hòa, An Mỹ			1.000					1.000					656	656	565	91	
	Nâng cấp tuyến đường ĐX2.TP từ cao tốc Đà Nẵng- Quảng Ngãi đến cầu đồng Gieo - Thôn Phú Mỹ, Thành Mỹ; hạng mục: mặt đường			4.500					4.500					2.950	2.950	2.543	407	
	Nâng cấp tuyến đường tuyến đường từ ĐT 615 đi Kênh chính Phú Ninh, thôn Đại Đồng; hạng mục: nền mặt đường và các hạng mục phụ trợ			4.476					4.476					2.934	2.934	2.529	405	
	Nâng cấp tuyến đường GTNT từ cầu Bờ Láng đến đập Lạnh, thôn An Hòa, An Thọ			2.500					2.500					1.639	1.639	1.413	226	
	Nâng cấp tuyến tường nhà Ông Tính và ông Khánh thôn An Mỹ			630					630					413	413	356	57	
	Nâng cấp tuyến đường từ nhà bà Tuyết đến nhà bà Tâm, thôn An Thọ			1.000					1.000					656	656	565	91	
	Nâng cấp tuyến từ đường ĐH5 đến tổ 29 và, đoạn đường tổ 28A thôn Lộc Ninh			1.000					1.000					656	656	565	91	
	Nâng cấp tuyến đường từ ĐH5 đến cầu kênh N12, thôn Trường Lộc			1.260					1.260					826	826	712	114	
	Cải tạo vỉa hè, thoát nước, môi trường đường bao chung quanh Chợ Cẩm Khê			2.100					2.100					1.377	1.377	1.187	190	

TT	Công trình	Mã số dự án	Quyết định phê duyệt (điều chỉnh)						Lũy kế vốn bố trí đến 31/12/2025					Kế hoạch vốn năm 2026				Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				3	Chi theo nguồn vốn				Tổng cộng	Chi theo nguồn vốn	Trong đó			
				Tổng số	Chi theo nguồn vốn				NS TW	Ngân sách thành phố	NS huyện	NS xã và huy động khác		Ngân sách xã	NSTT	Thu tiền sử dụng đất 2026		
					NS TW	Ngân sách thành phố	NS huyện										NS xã và huy động khác	
	Cải tạo vỉa hè, chỉnh trang khu vực Nhà Văn hóa và Trụ sở UBND xã Tây Hồ			1.000				1.000					656	656	565	91		
	Nâng cấp hoàn thiện các hạng mục tuyến đường ngã tư trước chợ Cẩm Khê (Vĩa hè, MTN, điện CS, cây xanh)			1.300				1.300					852	852	735	118		
K.2	NÔNG - LÂM - DIỆM NGHIỆP																	
K.3	THỦY LỢI - THỦY SẢN			4.000	-	-	-	4.000	-	-	-	-	-	2.622	2.622	2.260	362	
	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến kênh mương thủy lợi trên địa bàn các thôn Cẩm Khê, Phú Mỹ, Tân Phú, Xuân Điền, Thành Mỹ			1.000				1.000					656	656	565	91		
	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến kênh mương thủy lợi trên địa bàn các thôn Đại Quý, Tây Lộc, Đại Đồng, Cẩm Long, Tam An			1.000				1.000					656	656	565	91		
	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến kênh mương thủy lợi trên địa bàn các thôn Khánh Mỹ, Trường Lộc, Lộc Ninh, Phú Văn, Tú Hội			1.000				1.000					656	656	565	91		
	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến kênh mương thủy lợi trên địa bàn các thôn An Thọ, An Thiện, An Hòa, An Mỹ			1.000				1.000					656	656	565	91		
K4	Điện			1.700	-	-	-	1.700	-	-	-	-	-	1.114	1.114	961	154	
	Hoàn thiện điện chiếu sáng tuyến đường ĐH5, ĐH10, ĐT615			1.700				1.700					1.114	1.114	961	154		
K5	ĐỊNH CÁN, ĐỊNH CƯ			2.076	-	-	-	2.076	1.814	-	-	-	1.814	263	263	-	263	
	Khu dân cư A,B,C xã Tam An	7412592	2700-5/7/13	2.076				2.076	1.814				1.814	263	263	-	263	
K6	CẤP, THOÁT NƯỚC			1.800	-	-	-	1.800	-	-	-	-	-	1.180	1.180	1.017	163	
	Sửa chữa, cải tạo Nhà máy nước Tam Phước và xây dựng mới mạng lưới đường ống cấp nước máy			1.800				1.800					1.180	1.180	1.017	163		
K7	Kinh tế khác			1.200	-	340	-	860	389	-	340	-	49	536	536	463	72	
	Cảnh quan môi trường nông thôn (chỉnh trang khu trung tâm) xã Tam An	7784131	167-01/10/19	400		340		60	389		340		49	11	11	11	-	
	Tiểu hoa viên và sinh hoạt cộng đồng xã Tây Hồ			800				800					524	524	452	72		
													-	-				
																	-	